

Bản án số: 30 /2019/TCDS-ST

Ngày 28-5-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Sơn;

Ông Nguyễn Ngọc Phán.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2019/TLST-TCDS ngày 19 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (có mặt).

- Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Xóm 6, xã B, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Xóm 6, xã B, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Đ và chị H là người cùng xã quen biết nhau, vợ chồng chị H và anh C cần tiền để mở rộng kinh doanh mua lưới đánh bắt cá nên chị H đã nhiều lần đến nhà nhờ bà Đ vay tiền giúp. Bà Đ đã đi vay tiền của những người quen để cho bà H vay, tất cả bà Đ cho bà H vay 6 lần tổng cộng là 250.000.000đ, 5 lần vay đầu chị

H đều tự tay viết vào sổ số tiền vay cho bà Đ, lần thứ sáu chị H nhờ cháu gái viết vào sổ ghi nợ số tiền 60.000.000đ cho bà Đ, về lãi suất hai bên thỏa thuận miệng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Ngày 28/9/2014 (âm lịch), tức ngày 21/10/2014 vay số tiền 33.000.000đ
- Ngày 29/9/2014 (âm lịch), tức ngày 22/10/2014 vay số tiền 17.000.000đ
- Ngày 30/9/2014 (âm lịch), tức ngày 23/10/2014 vay số tiền 20.000.000đ
- Ngày 03/9/2014 (tháng nhuận âm lịch), tức ngày 26/10/2014 vay số tiền 70.000.000đ.
- Ngày 10/9/2014 (tháng nhuận âm lịch), tức ngày 02/11/2014 vay số tiền 50.000.000đ.
- Ngày 04/10/2014 (âm lịch), tức ngày 25/11/2014 vay số tiền 60.000.000đ.

Sau khi vay tổng số tiền 250.000.000đ đến ngày trả lãi chị H không trả lãi cho bà Đ nên bà Đ không cho chị H vay thêm nữa, vì vay giúp tiền cho chị H nên bà Đ phải đi vay nợ để trả lãi cho những người đã cho bà vay tiền đưa cho chị H. Đến nay bà Đ không còn khả năng trả nợ cho những người đã đưa tiền cho bà vay để cho chị H vay nên bà đã đòi nợ chị H để trả nợ cho họ nhưng chị H cố tình chây ỳ không trả nên bà phải làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chị H trả cho bà số nợ đã vay. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án chị H đề nghị xin không tính lãi suất số tiền 250.000.000đ đã vay của bà và xin trả tiền nợ gốc làm 2 lần trong 2 năm, bà Đ không nhất trí với phương án chị H đưa ra. Bà Đ đề nghị Tòa án buộc chị H phải trả nợ cho bà Đ số tiền nợ gốc 250.000.000đ và khoản tiền lãi phát sinh kể từ khi vay cho đến nay theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Vũ Thị H trình bày: Chị H công nhận có vay tiền của bà Đ 6 lần với số tiền gốc là 250.000.000đ như bà Đ đã khai và về lãi suất hai bên không viết trong giấy tờ biên nhận nợ mà thỏa thuận miệng với nhau, thỏa thuận về lãi cụ thể thế nào chị không nhớ, mỗi lần vay và nhận tiền chị đều viết vào sổ ghi nhận nợ cho bà Đ, lần thứ sáu ngày 04/10/2014 âm lịch sau khi hỏi vay bà Đ chị có nhờ cháu gái lên nhà bà Đ lấy tiền vay bà Đ hộ chị và viết vào sổ ghi nợ cho bà Đ như bà Đ kê khai ở trên là đúng. Tuy nhiên, là chị đã trả lãi cho bà Đ được 2 năm nhưng chị H không ghi lại việc trả lãi từng lần, không nhớ ngày tháng trả tiền lãi và số tiền đã trả lãi cho bà Đ là bao nhiêu nên chị không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc này. Nay bà Đ khởi kiện đòi nợ chị số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tổng số tiền vay 250.000.000đ chị H đồng ý trả nợ gốc cho bà Đ và hiện nay chị còn nợ nhiều người khác nên chị không có khả năng trả nợ một lần cho bà Đ được, chị H xin

được trả nợ tiền nợ gốc cho bà Đ làm 2 lần: trong năm 2019 trả 125.000.000đ và năm 2020 trả 125.000.000đ. Về tiền lãi suất, chị H xin bà Đ không tính lãi.

Tại bản tự khai đề ngày 19-4-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh không biết việc vay nợ giữa chị H và bà Đ và cũng không liên quan đến việc chị H vợ anh vay tiền của bà Đ, khi vay tiền của bà Đ chị H chưa bao giờ nói với anh C nên anh không biết việc vay nợ này đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Đ, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, anh C vắng mặt có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản, Quyết định tố tụng cho các đương sự, ông C là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, cụ thể là đòi nợ số tiền đã cho chị Vũ Thị H vay, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu. Hợp đồng vay tiền giữa các bên được xác lập từ năm 2014, tuy nhiên đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, đến nay bà Đ khởi kiện đòi nợ đối với bà H nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn thì thấy: Hợp đồng vay tài sản số tiền gốc 250.000.000đ giữa bà Nguyễn Thị Đ và bà Vũ Thị H là hợp đồng có thật và phù hợp pháp luật. Việc vay nợ giữa bà Đ và bà H được chứng minh bằng 6 lần biên nhận vay tiền trong đó có 5 lần do chị Vũ Thị H viết biên nhận nợ vay tiền bà Đ và một lần chị H nhờ cháu nhận hộ và viết biên nhận cho bà Đ giữ, quá trình khởi kiện bà Đ nộp cho Tòa án làm căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H đã có lời khai công nhận chỉ có vay tiền của bà Đ 6 lần với tổng số tiền gốc 250.000.000đ, 5 lần do chị H trực tiếp viết biên nhận, lần cuối cùng vay số tiền 60.000.000đ chị có nhờ cháu gái nhận tiền viết biên nhận giúp vào sổ cho bà Đ và công nhận đến nay chưa thanh

toán trả nợ cho bà Đ khoản nợ vay của 6 lần trên. Như vậy về số tiền vay gốc chị H Thừa nhận vay nợ bà Đ 250.000.000đ, lời thừa nhận này là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Đ yêu cầu Tòa án buộc chị H phải trả cho bà Đ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Chị H đề nghị thanh toán trả nợ gốc cho bà Đ trong 2 lần: trong năm 2019 trả 125.000.000đ và năm 2020 trả 125.000.000đ, bà Đ không nhất trí với phương thức trả nợ mà chị H đưa ra và bà Đ yêu cầu đề nghị Tòa án buộc chị H phải trả nợ cho bà Đ tổng số tiền nợ gốc của sáu lần vay theo quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu chị H trả tiền lãi của khoản vay gốc tính từ ngày vay đến khi Tòa án xét xử là ngày 28/5/2019 theo quy định của pháp luật, do từ khi vay đến nay bà H chưa trả cho bà Đ khoản lãi nào. Xét “giấy vay tiền” do bà Đ cung cấp cho Tòa án làm chứng cứ không có nội dung thỏa thuận lãi, tuy nhiên, bà Đ và chị H đều công nhận có thỏa thuận lãi suất bằng miệng tuy nhiên chị Đ không nhớ thỏa thuận cụ thể phải trả bao nhiêu, bà Đ lãi suất hai bên thỏa thuận theo quy định pháp luật từng thời điểm. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H đều khai đã trả lãi cho bà Đ được 2 năm, tuy nhiên, đến nay không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc đã thanh toán tiền lãi cho bà Đ. Chị H đề nghị xin bà Đ không tính lãi suất, do hoàn cảnh gia đình chị còn nợ nhiều người khác nhưng ý kiến bà Đ không chấp nhận đề nghị này. Do Hợp đồng vay nợ giữa bà Đ và chị H được thiết lập từ năm 2014 cho đến nay các bên chưa thực hiện xong quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận và các quyền, nghĩa vụ khác phát sinh từ hợp đồng mà pháp luật có quy định và là Hợp đồng không thời hạn nên Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Đ trên khoản nợ gốc của từng lần vay theo hai giai đoạn: giai đoạn một từ ngày vay đến ngày 31/12/2016 áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi suất; giai đoạn hai kể từ ngày bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/5/2019 ngày xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất cụ thể:

- **Giai đoạn 1:** Căn cứ quy định mức lãi suất cơ bản theo quyết định số 2868/QĐ- NHNN ngày 29/11/2010 để tính lãi suất, tổng số tiền vay gốc 250.000.000đ:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 21/10/2014 đến ngày 31/12/2016 là 26 tháng + 10 ngày, số tiền vay gốc $33.000.000đ \times [(26 \text{ tháng} + 10 \text{ ngày}) \times 9\%/năm] = 6.514.200đ$.

- Lần thứ hai: Từ ngày 22/10/2014 đến ngày 31/12/2016 là 26 tháng + 9 ngày, số tiền vay gốc $17.000.000đ \times [(26 \text{ tháng} + 9 \text{ ngày}) \times 9\%/năm] = 3.352.400đ$.

- Lần thứ ba: Từ ngày 23/10/2014 đến ngày 31/12/2016 là 26 tháng + 8 ngày, số tiền vay gốc $20.000.000đ \times [(26 \text{ tháng} + 8 \text{ ngày}) \times 9\%/năm] = 3.939.400đ$.

- Lần thứ tư: Từ ngày ngày 26/10/2014 đến ngày 31/12/2016 là 26 tháng + 5 ngày, số tiền vay gốc $70.000.000đ \times [(26 \text{ tháng} + 5 \text{ ngày}) \times 9\%/năm] = 13.736.100đ$.

- Lần thứ năm: Từ ngày 02/11/2014 đến ngày 31/12/2016 là 25 tháng + 29 ngày, số tiền vay gốc $50.000.000đ \times [(25 \text{ tháng} + 29 \text{ ngày}) \times 9\%/năm] = 9.732.500đ$.

- Lần thứ sáu: Từ ngày 25/11/2014 đến ngày 31/12/2016 là 25 tháng + 3 ngày, số tiền vay gốc $60.000.000đ \times [(25 \text{ tháng} + 3 \text{ ngày}) \times 9\%/năm] = 11.293.800đ$

Tổng tiền lãi các lần vay từ ngày vay đến ngày 31/12/2016 là: 48.568.400đ

(Bốn mươi tám triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm đồng).

- **Giai đoạn 2:** Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/5/2019 là 28 tháng + 27 ngày, áp dụng bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất, tổng số tiền vay gốc $250.000.000đ \times [(28 \text{ tháng} + 27 \text{ ngày}) \times 10\%/năm] = 60.097.500đ$ (Sáu mươi triệu không trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Tổng tiền lãi từ ngày vay đến ngày 28/5/2019 là: 108.666.000đ (Một trăm linh tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

[5] **Về trách nhiệm liên đới:** Bản thân anh C chồng chị H không tham gia ký giấy vay nợ, đến nay chị H nhận trách nhiệm trả nợ cho bà Đ nên bà Đ cũng nhất trí. Do đó, bà Đ rút yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng chị Vũ Thị H cho bà Đ nên về trách nhiệm liên đới anh C không phải trả nợ cùng chị H là phù hợp.

[6] Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định việc chị Vũ Thị H có nợ tiền của bà Nguyễn Thị Đ là sự việc có thật và như vậy yêu cầu đòi nợ của bà Nguyễn Thị Đ là có cơ sở và cần chấp nhận.

Vì vậy, cần buộc chị Vũ Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ gốc 250.000.000đ và 108.666.000đ tiền lãi; tổng tiền gốc và lãi: 358.666.000đ là phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Buộc chị Vũ Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Nguyễn Thị Đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ kiện đòi nợ đối với chị Vũ Thị H là hợp pháp.

2. Buộc chị Vũ Thị H phải thanh toán trả nợ cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ gốc và lãi là 358.666.000đ (ba trăm năm mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

3. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc chị Vũ Thị H phải nộp 17.933.300 (mười bảy triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0000394 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng